



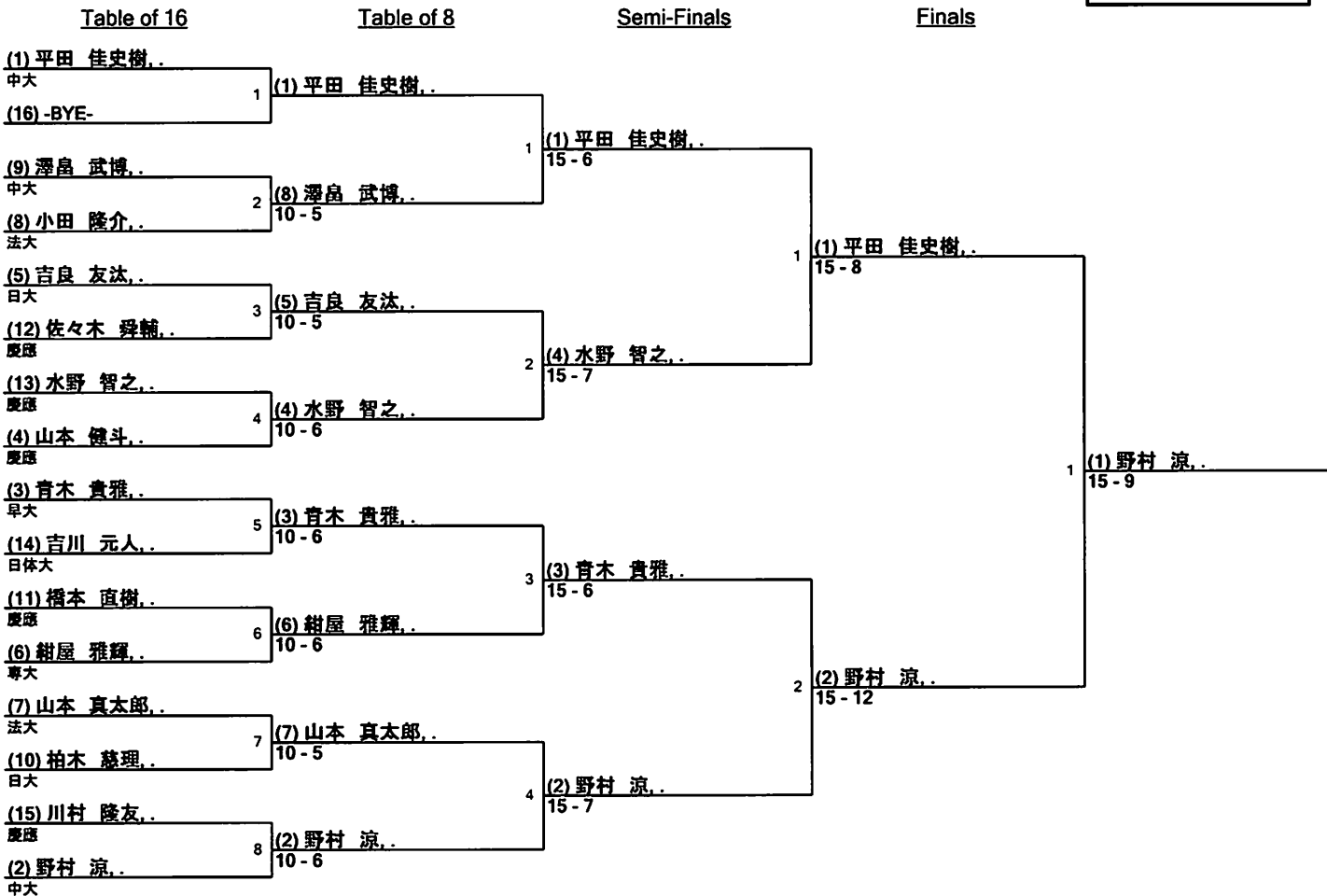
www.FencingTime.com

# Men's Saber Final Ranking

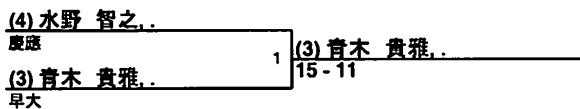
MS

Tournament: 関東学生フェンシング連盟新人戦大会  
Date: 2018年9月12日 - 15:00  
FIE Document: FE\_FIE\_0012

Place	Name	Club(s)
1	野村 涼,.	中央大学
2	平田 佳史樹,.	中央大学
3	青木 貴雅,.	早稲田大学
4	水野 智之,.	慶應義塾大学
5	吉良 友汰,.	日本大学
6	紺屋 雅輝,.	専修大学
7	山本 真太郎,.	法政大学
8	澤島 武博,.	中央大学
9	山本 健斗,.	慶應義塾大学
10	小田 隆介,.	法政大学
11	柏木 慈理,.	日本大学
12	橋本 直樹,.	慶應義塾大学
13	佐々木 舜輔,.	慶應義塾大学
14	吉川 元人,.	日本体育大学
15	川村 隆友,.	慶應義塾大学
16	幡野 一貴,.	明治大学
17	平野 航大,.	中央大学
18	志田 颯人,.	國學院大学
19	篠原 涼,.	学習院大学
20	野田 康介,.	國學院大学
21	宇田 滉平,.	青山学院大学



Fence-off for Third





# Men's Saber Round #1 Pool Results

MS

Tournament: 関東学生フェンシング連盟新人戦大会  
Date: 2018年9月12日 - 15:00  
FIE Document: FE\_FIE\_0007

<b>1</b>	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
志田 颯人, .	國學	1		D2	V5	D0	D2	1	0.25	9	16	-7
佐々木 舜輔, .	慶應	2	V5		V5	D0	D0	2	0.50	10	14	-4
宇田 滉平, .	青学	3	D1	D2		D0	D1	0	0.00	4	20	-16
吉良 友汰, .	日大	4	V5	V5	V5		D1	3	0.75	16	5	11
野村 涼, .	中大	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	4	16

<b>2</b>	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
山本 真太郎, .	法大	1		V5	V5	D1	V5	3	0.75	16	13	3
幡野 一貴, .	明大	2	D2		D2	D1	V5	1	0.25	10	15	-5
橋本 直樹, .	慶應	3	D2	V5		D0	V5	2	0.50	12	12	0
平田 佳史樹, .	中大	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	3	17
野田 康介, .	國學	5	D4	D0	D0	D1		0	0.00	5	20	-15

<b>3</b>	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
柏木 慈理, .	日大	1		V5	D1	V5	D3	2	0.50	14	13	1
平野 航大, .	中大	2	D1		V5	D3	D4	1	0.25	13	19	-6
紺屋 雅輝, .	専大	3	V5	D4		V5	V5	3	0.75	19	11	8
川村 隆友, .	慶應	4	D2	V5	D2		D4	1	0.25	13	18	-5
小田 隆介, .	法大	5	V5	V5	D3	V5		3	0.75	18	16	2

<b>4</b>	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
水野 智之, .	慶應	1		D3	V5	V5	D4	D4	2	0.40	21	17	4
山本 健斗, .	慶應	2	V5		V5	V5	V5	D3	4	0.80	23	17	6
吉川 元人, .	日体大	3	D0	D3		V5	D3	V5	2	0.40	16	20	-4
篠原 涼, .	学習	4	D2	D3	D3		D4	D1	0	0.00	13	25	-12
澤島 武博, .	中大	5	V5	D3	V5	V5		D2	3	0.60	20	21	-1
青木 貴雅, .	早大	6	V5	V5	D2	V5	V5		4	0.80	22	15	7